

**2015**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3**  
Số 16 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hải Phòng

## **Mục lục**

<b>I. Thông tin chung</b>	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
a. Ngành nghề kinh doanh	4
b. Địa bàn kinh doanh	5
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Các mục tiêu và chiến lược phát triển	7
5. Các rủi ro	8
a. Rủi ro về mặt pháp lý	9
b. Rủi ro khi Việt Nam tham gia vào TPP	9
c. Rủi ro về nguồn nhân lực	10
d. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và nguồn cung nguyên liệu	11
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm 2015</b>	<b>11</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tổ chức và nhân sự	12
a. Ban điều hành	12
b. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách với người lao động	14
3. Tình hình tài chính	16
a. Tình hình tài chính	16
b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	16
4. Cơ cấu cổ đông	17
a. Cổ phần	17
b. Cơ cấu cổ đông	17
<b>III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc</b>	<b>17</b>
1. Đặc điểm tình hình	17
2. Kết quả thực hiện các mặt công tác năm 2015	18
a. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh	18
b. Các mặt công tác khác	18
3. Phương hướng nhiệm vụ năm 2016	19
<b>IV. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị</b>	<b>20</b>
1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị	20
2. Nhiệm vụ giám sát đối với Ban Tổng giám đốc	21
3. Phương hướng hoạt động năm 2016	21
<b>V. Quản trị Công ty</b>	<b>21</b>
1. Hội đồng Quản trị	21
2. Ban kiểm soát	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	30
<b>VI. Báo cáo tài chính</b>	<b>31</b>


## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

(Năm báo cáo: 2015)

## I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

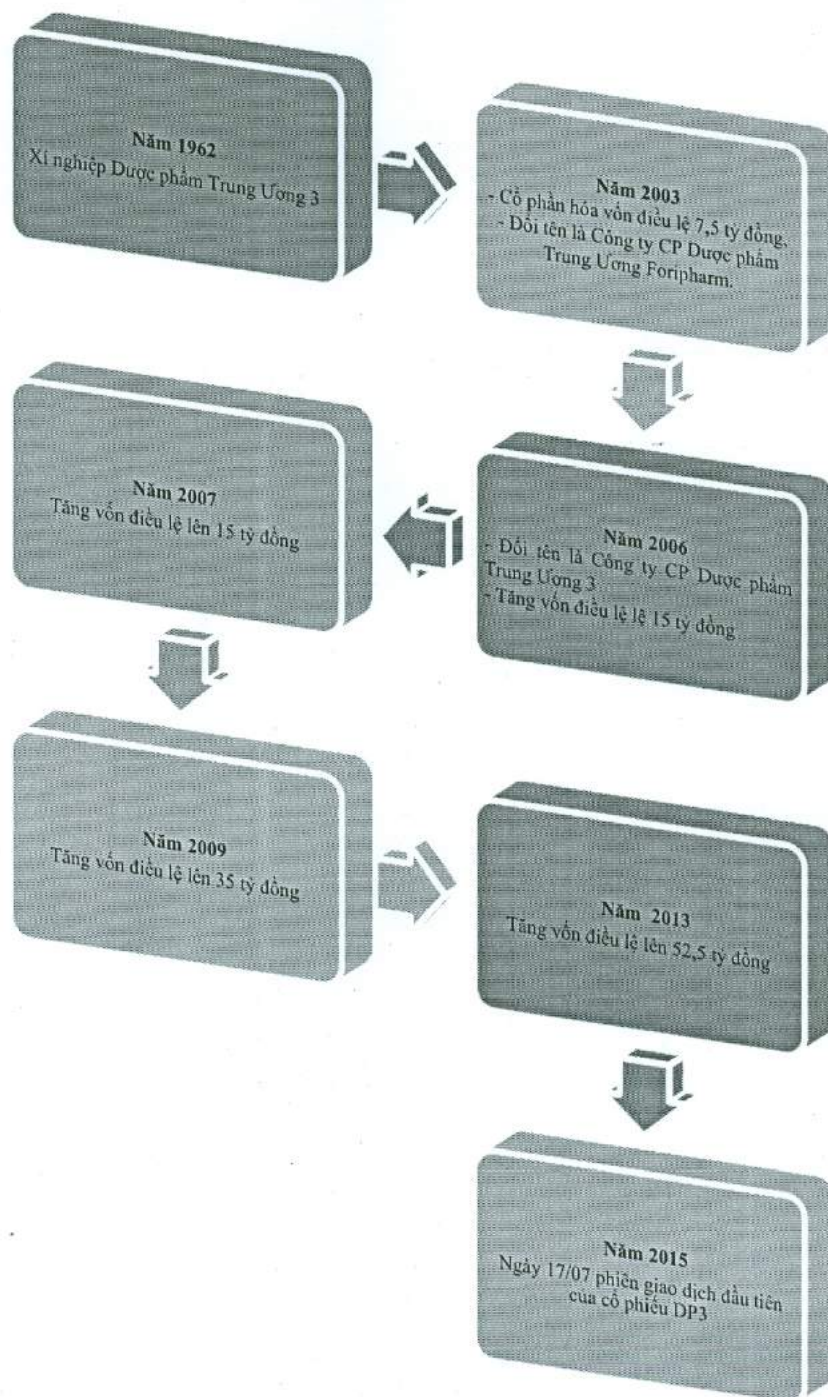
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3	
Tên tiếng Anh:	Central Pharmaceutical Joint Stock Company N° 3
Tên giao dịch	FORIPHARM
Giấy CNDKKD số	0200572501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/12/2003
Địa chỉ	Số 16 Lê Đại Hành, P.Minh Khai, Q.Hồng Bàng, TP.Hải Phòng
Số điện thoại	031.3842576
FAX	031.3823125
Website	www.duocphamtw3.com
Logo	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Bùi Xuân Hương
Mã chứng khoán	DP3

**Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 được thành lập từ năm 1962, tiền thân với tên gọi là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 chuyên sản xuất thuốc từ dược liệu. Trải qua 53 năm, đến nay Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 đã khẳng định được thương hiệu và tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường dược Việt Nam. Hai nhà máy thuốc Tân dược và Đông dược đạt chuẩn GMP-WHO (thực hành tốt sản xuất thuốc); phòng kiểm nghiệm thuốc đạt tiêu chuẩn GLP (thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc), tổng kho đạt tiêu chuẩn GDP (thực hành tốt bảo quản thuốc) là nền tảng của các dòng sản phẩm đạt chất lượng tốt.

Ngày 17/07/2015, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 chính thức lên sàn, phiên giao dịch đầu tiên đánh dấu một mốc phát triển mới trong tiến trình phát triển của Công ty. Mã cổ phiếu là DP3 với mức giá tham chiếu là 22.000 đồng/cổ phiếu.

Các mốc thời gian quan trọng



## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

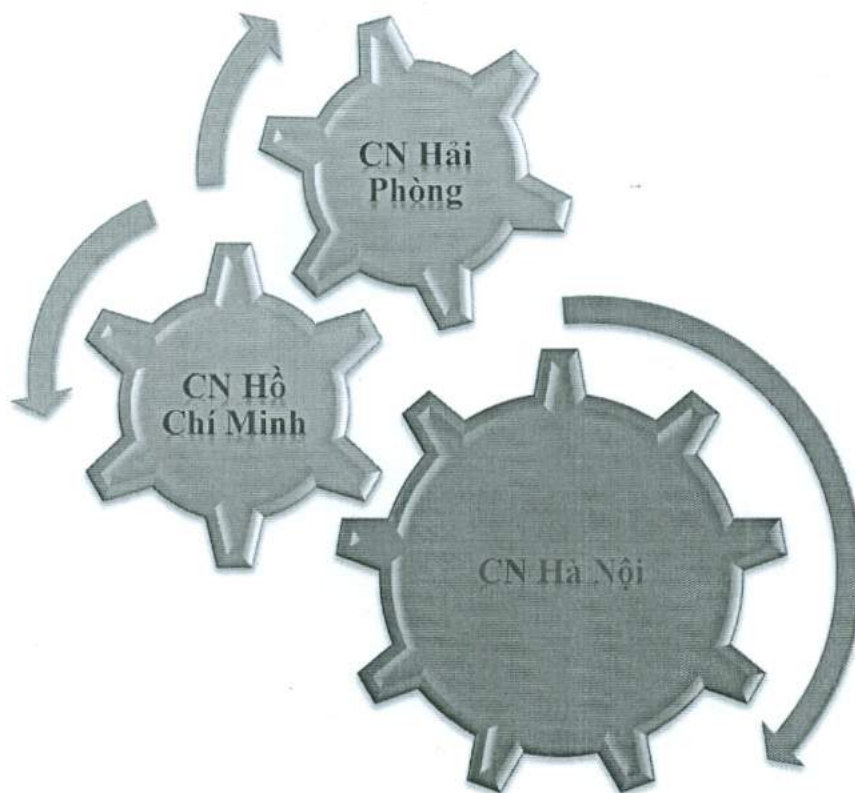
### *a. Ngành nghề kinh doanh*

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kiểm nghiệm thuốc;
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trừ cây có tính gây nghiện);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Chung, cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm), Đại lý thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, tinh dầu, hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế và dụng cụ y tế, bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác, chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. (Chi tiết: Bán lẻ hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), bán lẻ tinh dầu, máy móc và thiết bị y tế);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. (Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe máy, ô tô);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê nhà kho, văn phòng làm việc);

- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng).

**b. Địa bàn kinh doanh**

Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty trải dài theo mảnh đất hình chữ S bao gồm 3 chi nhánh của Công ty và hơn mười nhà phân phối độc quyền. Các chi nhánh hoạt động độc lập theo vùng. Chi nhánh Hải Phòng phụ trách khu vực miền duyên hải phía Bắc. Chi nhánh Hà Nội phụ trách khu vực đồng bằng sông Hồng, các tỉnh vùng núi phía Bắc và khu vực miền Trung, Chi nhánh Hồ Chí Minh phụ trách khu vực miền Nam.



**3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

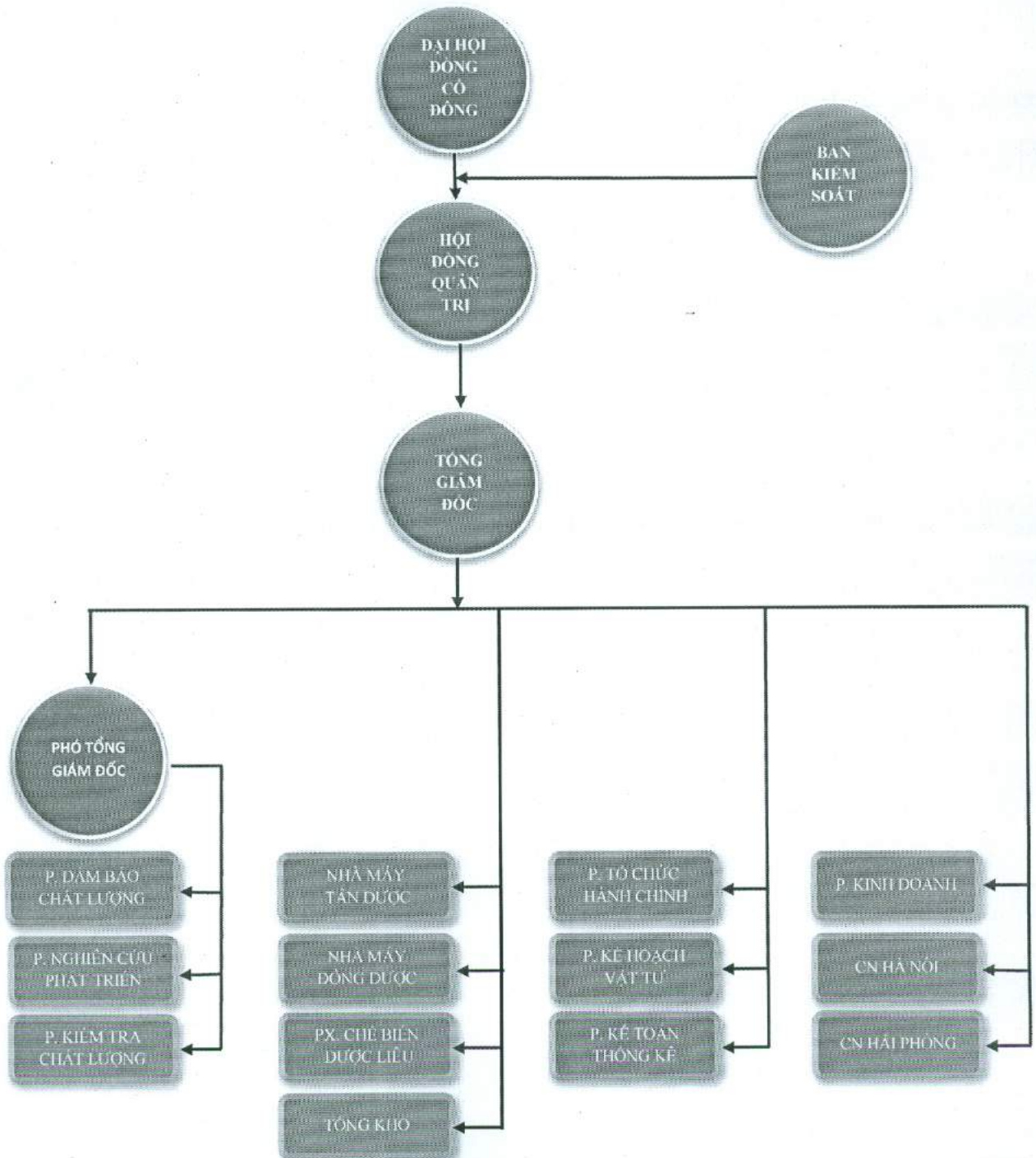
**Mô hình quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của Công ty. Ban kiểm soát gồm có 3 thành viên. Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc điều hành và Phó tổng giám đốc phụ trách các phòng chuyên môn.

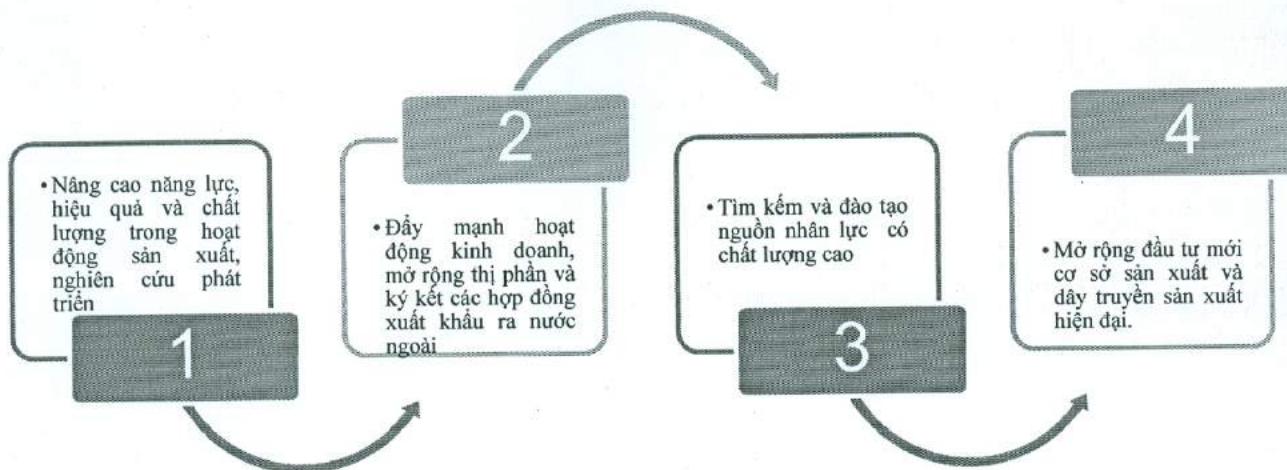
**Tổ chức kinh doanh**

Công ty có 3 chi nhánh và trên 10 nhà phân phối độc quyền phụ trách việc bao tiêu sản phẩm ra ngoài thị trường. Kênh phân phối sản phẩm chủ yếu của Công ty là thông qua đấu thầu thuốc để cung cấp thuốc cho các bệnh viện trên cả nước theo các chương trình của Bảo hiểm xã hội.

**CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY**



**4. Các mục tiêu và chiến lược phát triển Công ty**



**Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

a. Tập trung khai thác cơ sở sản xuất hiện có của 2 nhà máy GMP-WHO:

- Bổ sung thiết bị nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm gồm có:

+ Thiết bị sấy

+ Thiết bị đóng thuốc nước dạng ống PVC

+ Thiết bị đóng gói

+ Trang thiết bị phòng Nghiên cứu phát triển và phòng kiểm nghiệm

- Đồng thời tiến hành nghiên cứu phát triển sản phẩm, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực

- Đầu tư cơ sở vật chất cho các chi nhánh. Chọn thời điểm phù hợp mở chi nhánh tại miền Trung (Đà Nẵng). Nhằm mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

b. Đầu tư vùng trồng dược liệu, trước tiên là vườn dược liệu mẫu phục vụ cho công tác nghiên cứu phát triển và kiểm nghiệm



c. Tiến hành từng bước để mở rộng và phát triển SXKD sau năm 2020 ở địa điểm mới vì khu vực hiện tại hết quỹ đất để phát triển lâu dài.

## 5. Các rủi ro

Ngành dược Việt Nam hội tụ nhiều tiềm năng tích cực. Cụ thể, các nhân tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng dân số bền vững, mức độ nhận thức trong việc chăm sóc sức khỏe cũng như khả năng tiếp cận thuốc ngày càng tăng sẽ là những động lực thúc đẩy sự phát triển của ngành dược trong những năm tới. Ngày 10/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 68/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Mục tiêu chung: Cung ứng đầy đủ, kịp thời, có chất lượng, giá hợp lý các loại thuốc theo cơ cấu bệnh tật tương ứng với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Chú trọng cung ứng thuốc cho đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, vùng sâu, vùng xa.

Đến năm 2010, phần đầu sản xuất được 20% nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất thuốc trong nước, thuốc sản xuất trong nước chiếm 80% tổng giá trị thuốc tiêu thụ trong năm, trong đó thuốc từ dược liệu chiếm 30%; vắc xin sản xuất trong nước đáp ứng 100% nhu cầu cho tiêm chủng mở rộng và 30% nhu cầu cho tiêm chủng dịch vụ. Mục tiêu định hướng đến năm 2030: Thuốc sản xuất trong nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng, sản xuất được thuốc chuyên khoa đặc trị, chủ động sản xuất vắc xin, sinh phẩm cho phòng chống dịch bệnh, sản xuất dược nguyên liệu làm thuốc

Hướng tới mục tiêu này, Chính phủ sẽ ban hành các chính sách ưu đãi. Ví dụ như Chính phủ sẽ đưa ra các giải pháp về xây dựng pháp luật, cơ chế chính sách: sửa đổi, bổ sung Luật dược; ban hành chính sách ưu đãi đối với việc sản xuất, cung ứng... ; đẩy mạnh huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư để phát triển ngành dược; đưa ra các giải pháp trong vấn đề hợp tác và hội nhập quốc tế: tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm, năng lực quản lý của các nước, Tổ chức y tế thế giới (WHO) và các tổ chức quốc tế để

phát triển ngành Dược Việt Nam; tăng cường hợp tác với các nước là bạn hàng truyền thống của Việt Nam và các nước có nền công nghiệp dược phát triển....

Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay ngành Dược vẫn đang đứng trước những rủi ro tiềm tàng ảnh hưởng lớn đến ngành công nghiệp Dược Việt Nam. Là một trong những doanh nghiệp sản xuất dược phẩm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 cũng chịu tác động không nhỏ từ những rủi ro chung của toàn ngành. Cụ thể như sau:

a. Rủi ro về mặt pháp lý

Các chính sách của cơ quan quản lý (như Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) hiện vẫn còn nhiều điểm thiếu nhất quán, gây không ít trở ngại cho hoạt động của doanh nghiệp dược. Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC hướng dẫn đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế và thông tư liên tịch số 36/2013/TTLT-BYT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC đã bộc lộ những bất cập trong quá trình triển khai. Thông tư này tạo điều kiện cho nhiều loại thuốc giá thấp trúng thầu. Nhiều loại thuốc giá rẻ, không đảm bảo chất lượng trúng thầu khiến bệnh viện điều trị không hiệu quả, bệnh nhân chịu thiệt thòi.

Theo Tờ trình của Chính phủ tại phiên họp toàn thể lần thứ 12 của Ủy ban về các vấn đề xã hội thẩm tra dự án Luật dược (sửa đổi), sau 10 năm thi hành, nhiều quy định trong Luật dược không còn phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế, cần phải được nghiên cứu sửa đổi. Luật chưa quy định chính sách tạo động lực cho việc phát triển công nghiệp dược như bảo đảm đầu ra cho thuốc sản xuất trong nước, phát triển dược liệu, sản xuất vaccine, sinh phẩm... Bất cập đó dẫn đến tình trạng Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc của người dân.

b. Rủi ro khi Việt Nam tham gia vào TPP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương)

Việt Nam tham gia TPP đã mở ra nhiều cơ hội mới trong ngành công nghiệp dược nước nhà. Hiệp định TPP giảm thời gian bảo hộ thuốc phát minh xuống còn 7 năm sẽ là cơ hội

cho người dân, ngành dược trong nước tiếp cận với thuốc hết bảo hộ sáng chế để sản xuất thuốc phiên bản. Điều này rất phù hợp với chủ trương của Bộ Y tế khi đang yêu cầu các công ty dược trong nước tập trung sản xuất các thuốc generic để giảm chi phí cho ngân sách và giúp người bệnh tiếp cận thuốc có chất lượng nhưng giá hợp lý hơn.

Tuy nhiên, Việt Nam phải tự đặt mình ra khỏi vị thế quốc gia nghèo và phải tuân thủ việc bảo hộ bản quyền các sản phẩm chứa dược chất còn thời gian bảo hộ trí tuệ. Đây là một thách thức lớn với các doanh nghiệp ngành dược Việt Nam, bởi trên thực tế, các doanh nghiệp này vẫn âm thầm sản xuất các dòng thuốc còn bằng độc quyền sáng chế dưới dạng generic để đáp ứng nhu cầu dùng thuốc giá rẻ của người dân.

Về đấu thầu thuốc, khi Việt Nam tham gia vào TPP việc đấu thầu sẽ công khai, các hãng dược trên thế giới tham gia bình đẳng với các doanh nghiệp trong nước nên sẽ có cạnh tranh khốc liệt trong khi công nghiệp dược của chúng ta còn yếu, phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu.

Mở cửa đón TPP cũng đồng nghĩa mở cửa cho thuốc ngoại khi các doanh nghiệp FDI sản xuất và nhập khẩu ngày càng áp đảo hơn ở Việt Nam. Tâm lý chung của người Việt Nam là chuộng thuốc ngoại hơn thuốc nội. Thị trường thuốc Việt Nam được đánh giá là tiềm năng nhưng thị phần lại không do các công ty trong nước nắm giữ. Theo thống kê số công ty sản xuất dược trong nước đang chiếm trên 85% trong tổng số công ty dược hoạt động ở Việt Nam, song thuốc nhập khẩu lại chiếm 60-70% thị trường. Sản phẩm của các công ty trong nước đa phần là các loại thuốc phiên bản trong khi người dân vẫn dành sự tin tưởng cho thuốc ngoại, đặc biệt là thuốc đặc trị. Chính vì vậy, đây là thách thức rất lớn đối với toàn ngành cũng như đối với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3. Điều này đòi hỏi Công ty phải đẩy mạnh các hoạt động trong đầu tư nghiên cứu, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

### c. Rủi ro về nguồn nhân lực

Nhân lực dược, nhất là dược sĩ có trình độ đại học là đội ngũ quan trọng của hệ thống nhân lực ngành y tế trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên đội

ngũ này vẫn thiếu, nhưng đáng quan tâm là tình trạng mất cân đối giữa các vùng - miền và tập trung quá nhiều vào lĩnh vực kinh doanh, phân phối. Bên cạnh đó, lực lượng lao động đã qua đào tạo hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp

Việc Việt Nam tham gia vào TPP mở ra nhiều cơ hội mới nhưng cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp nội địa khi chất lượng nguồn nhân lực trong ngành chưa cao.

d. Rủi ro về tỷ giá hối đoái và nguồn cung nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì thế nếu nguồn cung nguyên liệu không có tính ổn định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong sản xuất thuốc Đông dược nguồn nguyên liệu chính là các dược liệu. Tuy nhiên dược liệu có tính thời vụ và chất lượng dược liệu phụ thuộc rất nhiều vào khí hậu, đất đai... Việc lựa chọn nhà cung cấp dược liệu tốt để không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm là công tác rất quan trọng của nhà sản xuất.

Nguyên liệu của Công ty đa số nhập khẩu từ nước ngoài. Những biến động của nền kinh tế thế giới như tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, thiên tai ... chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào. Trong khi sức ép cạnh tranh ở trong nước lớn, Công ty không thể tăng giá bán do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Để đảm bảo mọi hoạt động sản xuất diễn ra ổn định, Công ty luôn phải có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu cùng với đó chú trọng khâu bảo quản để không bị ảnh hưởng đến chất lượng dược liệu. Đồng thời, Công ty phải có chiến lược linh hoạt lựa chọn thời điểm phù hợp nhập khẩu nguyên liệu để giảm thiểu những rủi ro từ tỷ giá gây ra.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm tài chính 2015 đã khép lại, nhìn lại chặng đường 1 năm với những khó khăn, thách thức nhưng với sự đồng lòng chung sức mọi khó khăn đã được vượt qua. Các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đề ra đều đã cán đích. Năm 2015 là một năm Công ty có nhiều những đơn đặt hàng lớn từ các nhà phân phối độc quyền, các chi nhánh của Công ty. Số lượng các mặt hàng trúng thầu cao với các gói trúng thầu lớn.

Đối với hoạt động sản xuất của Công ty thì trong năm 2015 đã sử dụng tối đa công suất của cả 2 nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO là nhà máy tân dược và thuốc từ dược liệu.

Song hành cùng chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Hồ Chí Minh, sau 1 năm đi vào hoạt động, chi nhánh Công ty tại Hải Phòng đã bước đầu gặt hái được những thành công nhất định. Thị phần của Công ty phần nào đã mở rộng thêm đặc biệt là khu vực miền Duyên Hải phía Bắc.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015			Dự kiến kế hoạch năm 2016
		Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tăng trưởng	
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	200	212	106 %	220
Tổng lợi nhuận	Tỷ đồng	15	20,93	139,53 %	20
Cổ tức	%	16	0	0	16

## **2. Tổ chức và nhân sự**

### **a. Ban điều hành của Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Bùi Xuân Hương	Tổng giám đốc	362.687	6,91
2	Ngô Thị Hồng	Phó Tổng giám đốc	11.520	0,2
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Kế toán trưởng	156.668	3

### **Sơ lược lý lịch của Ban điều hành:**

***Ông Bùi Xuân Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.***

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học, Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
<i>Từ năm 1984 - 1985</i>	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	KTV
<i>Từ năm 1986 - 1987</i>	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	KTV phân xưởng thuốc viên

Từ năm 1987 - 1991	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Phó Quản đốc phân xưởng thuốc Viên – Mỡ
Từ năm 1992 - 1995	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Quản đốc phân xưởng thuốc Viên – Mỡ
Từ năm 1996 - 1998	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Phó phòng kinh doanh
Từ năm 1999 - 2003	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Phó phòng kinh doanh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Từ năm 2004 - 2005	Công ty CP dược phẩm Trung Ương FORIPHARM	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kinh doanh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
Từ năm 2006 - 2012	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
Từ năm 2012 đến nay	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

**Bà Ngô Thị Hồng – Phó Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1985 - 1995	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Tổ trưởng Tổ sản xuất
Từ năm 1996 - 1998	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Nhân viên phòng Kỹ thuật
Từ năm 1998 - 2002	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển
Từ năm 2003 - 2005	Công ty CP dược phẩm Trung Ương FORIPHARM	Trưởng BKS, Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển
Năm 2006	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Quản đốc Phân xưởng sản xuất
Từ năm 2007 - 2013	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc nhà máy thuốc Nam Sơn
Từ năm 2013 đến nay	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Phó Tổng giám đốc

*Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Kế toán trưởng*

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1982 - 2005	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Nhân viên kế toán
Năm 2006	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên BKS, Phó phòng kế
Năm 2007	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Kế toán trưởng
Từ năm 2008 đến nay	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên HĐQT, Kế toán trư

**b. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách với người lao động:**

Tại thời điểm 31/12/2015, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 216 người, t đó:

STT	Phân loại theo trình độ	Số lượng lao động	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học	64	29,63
2	Cao đẳng	5	2,31
3	Trung cấp	110	50,93
4	Sơ cấp, công nhân, lao động phổ thông	37	17,13
	<b>Tổng số</b>	<b>216</b>	<b>100</b>

**Chính sách với người lao động**

⌘ *Chế độ làm việc*

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày và 48h/tuần, nghỉ trưa 1h.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất. Nếu thực hiện chế độ ngày làm việc 3 ca, m không quá 8 giờ và được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi làm ca tiếp theo.

Đối với lái xe chế độ làm việc không ổn định thì tùy theo kế hoạch công việc của phòng, mà sắp xếp đề người lao động làm việc, tối đa làm thêm không quá 4h/ngày.

Các trường hợp lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại thì thời gian làm việc nghỉ ngơi được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên của Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của nhà nước và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Luật lao động.

Điều kiện làm việc: người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện để làm việc như: bảo hộ lao động, máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất... Văn phòng, nhà xưởng khang trang, sạch sẽ.

#### ➤ *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Công ty chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo; coi yếu tố con người là giá trị cốt lõi tạo nên sự phát triển của doanh nghiệp. Dựa trên những yêu cầu và đòi hỏi trong hoạt động sản xuất kinh doanh mà công ty tuyển dụng nguồn nhân sự phù hợp và đáp ứng được yêu cầu của công việc

Đối với nhân sự mới : trước khi vào làm việc, người lao động được đào tạo kiến thức an toàn vệ sinh lao động, công tác phòng chống cháy nổ. Riêng đối với người trực tiếp sản xuất được đào tạo kiến thức về GMP.

Trong quá trình làm việc, người lao động được hướng dẫn, đào tạo kiến thức chuyên môn để nâng cao tay nghề. Đối với công nhân dục, Công ty tổ chức đào tạo, kiểm tra trước khi tổ chức thi lên bậc lương.

#### ➤ *Chính sách lương thưởng, phúc lợi và bảo hiểm xã hội*

Công ty thực hiện chính sách trả lương và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Bộ Luật lao động hiện hành. Tùy vào từng trường hợp người lao động mà có chính sách trả lương riêng đảm bảo quyền lợi của người lao động.

Hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động theo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và cả năm theo tiêu chí bình bầu ABC. Công ty lập hội đồng xét thưởng để đảm bảo sự công bằng và đảm bảo quyền lợi tối đa cho người lao động. Các



ngày lễ tết trong năm, người lao động đều được thưởng, mức thưởng phụ thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

### 3. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ (%)
Tổng giá trị tài sản	151.836.120.685	177.598.124.638	116,97
Doanh thu thuần	184.295.902.510	212.097.946.545	115,08
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.523.443.180	19.127.263.714	103,26
Lợi nhuận khác	- 1.102.363.057	1.800.647.249	263,34
Lợi nhuận trước thuế	17.421.080.123	20.927.910.963	120,13
Lợi nhuận sau thuế	11.689.751.259	16.219.510.362	138,75
Tỷ lệ trả cổ tức	15		

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,77	1,36
	- Hệ số thanh toán nhanh : (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,43
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	36,59	42,17
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	57,7	72,93
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	- Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,57	2,3
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,23	1,28
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,34	7,65
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,14	15,79
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,81	9,13

- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,05	9
---	---	-------	---

**4. Cơ cấu cổ đông**

**a. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần: 5.250.000
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.572.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế: 2.678.000 cổ phần

**b. Cơ cấu cổ đông:**

Danh mục	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng vốn điều lệ</b>	<b>52.500</b>	<b>100 %</b>
<b>1. Theo tỷ lệ sở hữu</b>		
- Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5%)	26.238,49	49,98
- Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 5%)	26.261,51	50,02
<b>2. Theo loại hình sở hữu</b>		
- Cổ đông tổ chức	20.303,34	38,67
- Cổ đông cá nhân	32.196,66	61,33
<b>3. Theo trong và ngoài nước</b>		
- Cổ đông trong nước	52.500	100
- Cổ đông nước ngoài	0	0
<b>4. Theo nhà nước và cổ đông khác</b>		
- Cổ đông nhà nước	13.499,99	25,71
- Cổ đông khác	39.000,01	74,29

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1. Đặc điểm tình hình**

Năm 2015, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định hơn, lãi suất ngân hàng giảm tương đối hợp lý. Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam và thế giới tiếp tục tăng trưởng thấp do tổng cầu giảm.

Chính sách của nhà nước về quản lý ngành dược ngày càng chặt chẽ hơn do yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực. Sản xuất kinh doanh dược phẩm trong nước cạnh tranh khốc liệt hơn.

**2. Kết quả thực hiện các mặt công tác năm 2015**

Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý công ty đoàn kết tập trung lãnh đạo CBCNV tận dụng tối đa mọi nguồn lực, đẩy mạnh các mặt hoạt động, thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đề ra.

*a. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015			
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH	Tỷ lệ % TH so với năm 2014
Tổng doanh thu	184.296	200.000	212.247	106	115,17
Tổng lợi nhuận	17.421	15.000	20.928	139,52	120,13

*(Đơn vị tính: triệu VND)*

*b. Các mặt công tác khác*

*Công tác sản xuất – vật tư – tiêu thụ sản phẩm*

Công ty đã tích cực chủ động trong công tác cung ứng vật tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện quảng cáo một số sản phẩm trên các phương tiện truyền thông do vậy doanh thu tiêu thụ sản phẩm tăng, thương hiệu của Công ty ngày càng được khách hàng và người tiêu dùng tin cậy.

Chi nhánh Hải Phòng đi vào hoạt động từ tháng 01/2015 và đã gặt hái được những thành công nhất định. Chi nhánh Hà Nội tổ chức hệ thống bán hàng đạt kết quả tốt, chi nhánh Hồ Chí Minh có những bước chuyển biến tích cực.

*Công tác đảm bảo chất lượng – kiểm tra chất lượng - nghiên cứu phát triển*

Kiên định thực hiện chiến lược sản xuất, tiêu thụ sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả hợp lý gắn với thương hiệu TW3 và chiến lược ổn định, phát triển lâu dài của Công ty đã tiếp tục tạo được niềm tin cho khách hàng.

Thực hiện nghiêm túc đầy đủ quy trình sản xuất, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện quy trình quy phạm trong sản xuất, việc chấp hành các quy chế trong bảo quản, tồn trữ và lưu thông.

Kiểm tra 100% nguyên vật liệu, hàng hóa nhập kho và thành phẩm xuất xưởng, thường xuyên kiểm tra kiểm soát việc thực hiện quy trình quy phạm nhằm mục đích ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Công tác nghiên cứu phát triển được xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trọn chiến lược lâu dài, bền vững của Công ty.

*Công tác tài chính – đầu tư*

Công tác hạch toán quản trị, hạch toán kế toán thực hiện kịp thời và chính xác là cơ sở để điều hành sản xuất và kinh doanh hiệu quả

Thực hiện nghiêm chỉnh quy định của Nhà nước về chế độ hạch toán kế toán. Năm 2015, công ty đã tiến hành kiểm toán năm 2015 theo quy định của pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2015 đề ra. Kết quả hạch toán sản xuất kinh doanh năm 2015 đã bảo toàn và bổ sung vốn công ty.

*Công tác tổ chức nhân sự*

Tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân lực từng bước đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của luật lao động. Công tác an ninh chính trị, an toàn trật tự trong công ty được bảo đảm.

c. Những tồn tại, hạn chế

Năm 2015 Công ty còn một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục như sau:

- Hệ thống bán hàng khu vực miền Trung còn thiếu và rất yếu
- Công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cấp cao chưa được cải thiện.

**3. Phương hướng nhiệm vụ năm 2016**

Phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phê chuẩn. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 220 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận: 20 tỷ đồng
- Cổ tức: 16%

Tiếp tục xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 gắn liền với nhãn hiệu một số sản phẩm TW3 có chất lượng tốt, có uy tín trên thị trường, đẩy mạnh

công tác tiêu thụ sản phẩm. Khai thác tối đa hoạt động của các nhà máy sản xuất thuốc đạt GMP-WHO.

**Một số giải pháp cơ bản:**

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu TW3 – Foripharma. Năm 2016 tiếp tục quảng cáo một số sản phẩm thuốc Đông dược trên phương tiện truyền thông.
- Tổ chức mở rộng hệ thống bán hàng, quan tâm mở rộng thị trường miền Nam và miền Trung.
- Tích cực tham gia đấu thầu cung cấp thuốc cho hệ thống điều trị
- Tuyển dụng và đào tạo nhân sự có chuyên môn kỹ thuật và năng lực quản lý phù hợp nhu cầu sản xuất kinh doanh, đáp ứng mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

**IV. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2015 Hội đồng Quản trị luôn cố gắng thực hiện các chương trình, kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đồng thời giám sát chặt chẽ, chỉ đạo sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

- HĐQT đã quản lý và điều hành công ty tuân thủ đúng luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên HĐQT để thông qua các nghị quyết liên quan đến công tác quản trị Công ty. Các nghị quyết của HĐQT luôn sát thực tiễn, kịp thời và phù hợp tình hình kinh tế, điều kiện Công ty.
- HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 phù hợp với điều kiện của Công ty, của ngành dược nhằm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch như doanh thu, lợi nhuận, bảo toàn vốn,...
- HĐQT đã quyết định chọn Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam là đơn vị kiểm toán năm tài chính 2015 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- HĐQT đã tiến hành các bước để niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX. Ngày 17/07/2015, Công ty đã tổ chức buổi lễ khai trương phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DP3.

- Năm 2015, dưới sự chỉ đạo của HĐQT Công ty đã nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 52,5 tỷ đồng lên 68 tỷ đồng.

## **2. Nhiệm vụ giám sát đối với Ban Tổng giám đốc**

- Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Tổng giám đốc Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, chuẩn bị đầy đủ, kịp thời các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT ban hành.

- Ban Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với tổ chức Đảng, Công đoàn và các đoàn thể quần chúng đảm bảo mục tiêu sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

## **3. Phương hướng hoạt động năm 2016**

Năm 2016 nền kinh tế nước ta vẫn tiếp tục đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức. HĐQT xác định phương hướng hoạt động năm 2016 như sau:

- Mục tiêu là lãnh đạo Công ty phát triển bền vững, hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- Thực hiện điều chỉnh linh hoạt kế hoạch chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Công ty năm 2016 và những năm tiếp theo phù hợp tình hình kinh tế xã hội và điều kiện Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tiếp tục việc tìm kiếm đối tác chuyển nhượng khu 16 Lê Đại Hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông

- Thực hiện các chức năng quản trị theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

Danh sách thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ/ Đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT	362,687	6.91
	Tổng Công ty Dược Việt Nam Ông Bùi Xuân Hương đại diện sở hữu		1,349,999	25.71
2	Ông Hoàng Duy Anh	Thành viên HĐQT	0	0
	Công ty Cổ phần MHC Ông Hoàng Duy Anh đại diện sở hữu		450,000	8.57
3	Ông Đinh Văn Cường	Thành viên HĐQT	461,163	8.78
4	Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	153,614	2.93
	Công ty TNHH Đại Bắc Ông Nguyễn Hữu Dũng đại diện sở hữu		78,382	1.49
5	Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT	156,668	3

**Ông Bùi Xuân Hương - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc**

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học, Cử nhân kinh tế.

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 - 1985	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	KTV
Từ năm 1986 - 1987	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	KTV phân xưởng thuốc viên
Từ năm 1987 - 1991	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Phó Quản đốc phân xưởng thuốc Viên - Mỡ
Từ năm 1992 - 1995	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Quản đốc phân xưởng thuốc Viên - Mỡ
Từ năm 1996 - 1998	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Phó phòng kinh doanh

<i>Từ năm 1999 - 2003</i>	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Phó phòng kinh doanh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội
<i>Từ năm 2004 - 2005</i>	Công ty CP dược phẩm Trung Ương FORIPHARM	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kinh doanh, Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
<i>Từ năm 2006 - 2012</i>	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
<i>Từ năm 2012 đến nay</i>	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 3	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc

**Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Kế toán trưởng**

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
<i>Từ năm 1982 - 2005</i>	Xí nghiệp dược phẩm Trung Ương 3	Nhân viên kế toán
<i>Năm 2006</i>	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên BKS, Phó phòng kế toán
<i>Năm 2007</i>	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Kế toán trưởng
<i>Từ năm 2008 đến nay</i>	Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

**Ông Hoàng Duy Anh – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

<b>Thời gian</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Chức vụ</b>
<i>Từ năm 1989 - 1990</i>	Viện nghiên cứu chăn nuôi	Kế toán tổng hợp
<i>Từ năm 1991 - 1998</i>	Liên đoàn vật lý địa chất	Kế toán tổng hợp
<i>Từ năm 1999 - 2007</i>	Công ty LD Gemartrans – Chi nhánh Hà Nội	Kế toán tổng hợp



Từ năm 2007 - 2011	Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội	Kế toán trưởng kiêm trưởng ban tài chính – kế toán
Từ năm 2011 - 2012	Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội	Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi
	Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội phía nam	Giám đốc
Từ năm 2013 đến nay	Công ty Cổ phần MHC	Tổng giám đốc
	Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	Chủ tịch Hội đồng Thành viên

**Ông Nguyễn Hữu Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 - 1987	Ban quân y sư đoàn 355 – Quân khu 2	Trợ lý dược
Từ năm 1987 - 1994	Bệnh viện Bạch Mai	Dược sĩ khoa Dược
Từ năm 1994 - 2000	Công ty Dược phẩm thiết bị y tế Hà Nội	Nhân viên kinh doanh
Từ năm 2000 đến nay	Công ty TNHH Đại Bắc	Giám đốc

**Ông Đinh Văn Cường – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học, Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1986 - 1990	Liên hiệp các xí nghiệp dược Việt Nam	Chuyên viên nghiên cứu sản xuất kháng sinh
Từ năm 1991 - 1993	Vụ Quản lý Dược – Bộ Y tế	Chuyên viên chương trình sản xuất thuốc sốt rét Artemisinin
Từ năm 1996 - 1999	Công ty TNHH Dược phẩm	Giám đốc Công ty

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

	Hữu Nghị	
Từ năm 1999 - 2001	Công ty Dược liệu Trung Ương 1	Trợ lý giám đốc
Từ năm 2001 - 2005	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Đông	Giám đốc công ty
Từ năm 2006 - 2007	Công ty Dược liệu Trung Ương 1	Phó phòng thị trường Marketing, Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất và nhập khẩu
Từ năm 2007 - 2012	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Phó tổng giám đốc
Từ năm 2013 đến nay	Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Nghị	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
	Công ty TNHH Sản xuất Dược phẩm Medlac	Thành viên Hội đồng sáng lập, phụ trách chuyên môn về Dược

**Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015:**

☞ *Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:* trong năm 2015 có 14 phiên họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Xuân Hưởng	Chủ tịch HĐQT	14	100
2	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	14	100
3	Hoàng Duy Anh	Thành viên HĐQT	14	100
4	Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT	14	100
5	Đình Văn Cường	Thành viên HĐQT	14	100

☞ *Nội dung và kết quả của các cuộc họp Hội đồng Quản trị*

Phiên họp	Nội dung Nghị quyết
Quý I 08/01/2015	- Thông qua báo cáo sơ bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014
	- Thông qua “Quy chế làm việc nội bộ”, “Quy chế hoạt động kinh

Quý II		doanh và tiêu thụ sản phẩm”
	02/03/2015	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội
	05/03/2015	- Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2014
		- Phương án phân phối lợi nhuận; kế hoạch SXKD năm 2015; kế hoạch phát triển công ty giai đoạn 2015-2020 và những năm sau năm 2020; kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều chỉnh Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
		- Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015
	06/04/2015	- Thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông
	21/04/2015	- Thống nhất các nội dung liên qua đến Đại hội đồng cổ đông
		- Thông qua kế hoạch PR chuẩn bị cho phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DP3 sau khi được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết
		- Thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD quý I/2015
		- Thông qua việc tu sửa nhà máy Tân dược và trang bị máy sắc ký lỏng cao áp cho phòng kiểm nghiệm
04/05/2015	- Thống nhất các vấn đề liên quan đến việc chi trả cổ tức năm 2014	
	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2015	
08/06/2015	- Thống nhất lựa chọn thời gian tổ chức lễ khai trương phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu DP3 và mức giá chào sàn của cổ phiếu.	
27/06/2015	- HĐQT ủy quyền Tổng giám đốc đưa tài sản của Công ty thế chấp vay vốn ngân hàng và ký các hợp đồng vay vốn ngắn hạn,...	
Quý III	03/08/2015	- Thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD 6 tháng đầu năm 2015
		- Lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành tăng vốn điều lệ
	29/09/2015	- Thông qua hồ sơ phát hành tăng vốn điều lệ gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

<b>Quý IV</b>	<b>04/11/2015</b>	- Thông qua báo cáo kết quả SXKD của 9 tháng đầu năm 2015
		- Thông qua thiết kế sơ bộ và khái toán công trình đầu tư xưởng sản xuất thuốc nhỏ mắt, nang mềm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng
		- Lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng nhà xưởng mới.
		- Bổ sung thiết bị sản xuất máy đóng ống nhựa thuốc nước
	<b>19/11/2015</b>	- Thông qua việc hạn chế chuyển nhượng đối với số lượng cổ phiếu chào bán cho các đối tượng khác khi cổ đông hiện hữu không thực hiện hết quyền mua.
	<b>17/12/2015</b>	- Thông qua việc tạm ứng cô tức bằng tiền năm 2015 và lựa chọn đơn vị kiểm toán vốn cho đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 52,5 tỷ đồng lên 68 tỷ đồng.

**2. Ban kiểm soát**

Danh sách thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng BKS	6,000	0.11
<b>2</b>	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	3,676	0.07
<b>3</b>	Nguyễn Thị Tần	Thành viên BKS	15,000	0.29

***Bà Trương Thị Nguyệt Hoa – Trưởng Ban kiểm soát***

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

***Quá trình công tác:***

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
<i>Từ năm 1997 - 1998</i>	Công ty Đinh Vàng Liên Dinh	Kế toán phân xưởng
<i>Từ năm 1999 - 2001</i>	Công ty Thực phẩm và Nước giải khát A&B	Kế toán
<i>Từ năm 2001 - 2004</i>	Công ty TNHH Vĩnh Hoàng	Kế toán
<i>Từ năm 2005 - 2013</i>	Công ty Cổ phần Lạc Việt	Kế toán trưởng
<i>Từ năm 2014 đến nay</i>	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 – Chi nhánh Hải Phòng	Kế toán trưởng

**Bà Nguyễn Thị Tần – Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1979 - 1980	Đoàn xây dựng ngân sách cấp huyện thuộc Bộ tài chính tại tỉnh Sông Bé	Kế toán
Từ năm 1981 - 1982	Ban thanh tra Sở Tài chính Hải Phòng	Kế toán
Từ năm 1982 - 2003	Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3	Kế toán
Từ năm 2003 - 2005	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Foripharm	Thành viên BKS, kế toán
Từ năm 2005 - 2006	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên BKS, Phó phòng Tổ chức Hành Chính
Từ năm 2006 - 2013	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Trưởng BKS, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính
Từ năm 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên BKS

**Bà Nguyễn Thị Hương Lan – Thành viên Ban kiểm soát**

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2002 - 2003	Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3	Nhân viên kinh doanh
Từ năm 2003 - 2004	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Foripharm	Nhân viên kế hoạch vật tư
Từ năm 2004 - 2013	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Nhân viên kế hoạch vật tư
Từ năm 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Thành viên BKS

**Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015**

☞ **Các buổi họp của Ban kiểm soát:** trong năm 2015 có 02 phiên họp của Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham gia	Tỷ lệ (%)
1	Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng BKS	2	100
2	Nguyễn Thị Tần	Thành viên BKS	2	100
3	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	2	100

☞ **Nội dung và kết quả của các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Thời gian	Nội dung
30/03/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2014</li> <li>- Nhà máy Đông được được thẩm định đưa vào sản xuất theo tiêu chuẩn GMP</li> <li>- Thành lập CN Hải Phòng từ 01/01/2015</li> <li>- Giao thư ký và ban Giám đốc về việc thương cho Ban điều hành và HĐQT khi Công ty có được kết quả kinh doanh vượt mức ĐHCĐ đề ra.</li> <li>- HĐQT thông qua niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.</li> <li>- Trong năm 2014, HĐQT ban hành quy chế kinh doanh mới đến tháng 01/2015 ban hành lại quy chế kinh doanh mới.</li> <li>- Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.</li> <li>- Phân chi phí của Công ty là hợp lý hợp lệ</li> </ul>
25/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bà Trương Thị Nguyệt Hoa - Trưởng ban kiểm soát sơ lược kết quả SXKD của Công ty năm 2015:</li> <li>+ Ngày 17/07/2015 Công ty chào sàn với giá cổ phiếu 22.000 đồng/CP</li> <li>+ HĐQT lựa chọn Công ty chứng khoán MBS là đơn vị tư vấn phát hành tăng vốn điều lệ.</li> <li>+ Quý IV năm 2015, Công ty thành lập Hội đồng xây dựng thang bảng lương.</li> <li>+ HĐQT thông qua tạm ứng cổ tức năm 2015 là 16% và lựa chọn đơn vị</li> </ul>

kiểm toán vốn số tiền thu được từ đợt phát hành.

- Bà Nguyễn Thị Hương Lan – Thành viên BKS báo cáo:

+ Công ty thực hiện tốt quy chế, quy định của Pháp luật

+ Tình hình thực hiện SCKD năm 2015: Từ tháng 08 năm 2014 Công ty chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất về Nhà máy Nam Sơn tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

+ Vấn đề tìm nguồn nguyên liệu đặc biệt là nguyên liệu đông được là vấn đề quan tâm của Ban lãnh đạo công ty do nguồn mua khóa khăn, nhiều hàng kém chất lượng trà chọn

+ Về bao bì sản phẩm: được cung cấp ổn định, giá cả ít biến động đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất của công ty

- Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

+ HĐQT thực hiện tốt chức năng của mình, họp và ban hành đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đến các thành viên liên quan: các quyết định đưa ra hợp lý, đúng đắn.

+ Về Ban Tổng giám đốc điều hành: Triển khai thực hiện tốt chính sách đề ra của HĐQT, thực hiện tốt chế độ chính sách của pháp luật, sử dụng hợp lý lực lượng lao động và nguồn vốn của công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

*a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

- Thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm 2014 là 3% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2014 là 1% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: Trong năm 2015, cổ đông nội bộ của Công ty không thực hiện bất kỳ giao dịch cổ phiếu nào.

c. *Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát luôn chấp hành đúng và nghiêm chỉnh các quy định về quản trị Công ty theo đúng quy định của pháp luật.*

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tại bản đính kèm)

### 1. Ý kiến kiểm toán

### 2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

XÁC NHẬN CỦA

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Bùi Xuân Hưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Địa chỉ: Số 16 đường Lê Đại Hành - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 34

222  
V.G  
HIỆM  
N VÀ  
T N  
iY-

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Bùi Xuân Hường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Uỷ viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Uỷ viên
Ông Đinh Văn Cường	Uỷ viên
Ông Hoàng Duy Anh	Uỷ viên

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Bùi Xuân Hường	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Kế toán trưởng

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Y  
C  
H  
NH  
M  
P

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**



**Bùi Xuân Hương**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

T. N. H. H. I. O. M.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi :** Các Cổ đông  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (gọi tắt là Công ty), được lập ngày 20/02/2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này



**Phạm Ngọc Toàn**  
**Phó Tổng giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

**Ngô Bá Duy**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>80.264.738.447</b>	<b>62.257.261.480</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.466.036.196</b>	<b>2.426.466.840</b>
1. Tiền	111		8.466.036.196	2.426.466.840
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.575.462.590</b>	<b>15.346.222.201</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	13.251.469.599	14.773.604.910
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	864.777.834	395.306.254
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.406.817.039	1.141.543.710
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.064.474.953)	(1.064.474.953)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	116.873.071	100.242.280
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>54.739.259.213</b>	<b>43.517.346.138</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	54.739.259.213	43.517.346.138
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.483.980.448</b>	<b>967.226.301</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	16.091.136	7.356.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.405.417.448	959.869.482
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15	62.471.864	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>97.333.386.191</b>	<b>89.578.859.205</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>3.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>95.202.852.655</b>	<b>86.841.037.625</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.7	92.145.252.655	86.841.037.625
- Nguyên giá	222		121.112.296.199	108.551.131.654
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.967.043.544)	(21.710.094.029)
3. TSCĐ vô hình	227	V.8	3.057.600.000	-
- Nguyên giá	228		3.057.600.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>1.325.500.000</b>	<b>1.325.500.000</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.325.500.000	1.325.500.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>805.033.536</b>	<b>1.409.321.580</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	805.033.536	1.409.321.580
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>177.598.124.638</b>	<b>151.836.120.685</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>74.897.783.372</b>	<b>55.557.562.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.038.982.372</b>	<b>35.238.761.142</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	21.756.757.397	10.921.481.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.824.799.711	156.688.360
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	873.174.331	2.826.392.162
4. Phải trả người lao động	314	V.16	6.236.489.914	1.455.294.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	185.973.305	1.826.483.183
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.761.219.865	702.595.139
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	24.982.972.483	17.328.956.845
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		417.595.366	20.869.078
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.858.801.000</b>	<b>20.318.801.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	15.858.801.000	20.318.801.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>102.700.341.266</b>	<b>96.278.558.543</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>102.700.341.266</b>	<b>96.278.558.543</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.924.627.500	26.034.627.500
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.565.686.881	5.396.711.756
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.710.026.885	12.347.219.287
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.490.516.523	657.468.028
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.219.510.362	11.689.751.259
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>177.598.124.638</b>	<b>151.836.120.685</b>

Hải Phòng ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập biểu



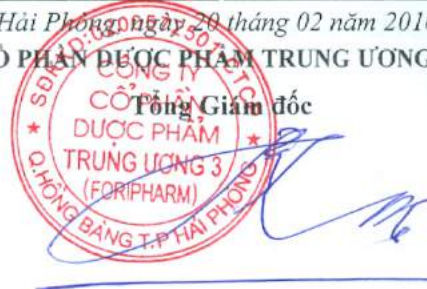
Nguyễn Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thu

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Bùi Xuân Hương



Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	212.247.225.811	184.371.323.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	149.279.266	75.421.180
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10	VI.3	212.097.946.545	184.295.902.510
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	112.995.876.740	106.358.320.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		99.102.069.805	77.937.582.180
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	74.268.173	49.280.721
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	4.017.181.655	3.361.095.375
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.903.751.205	3.223.952.330
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9	47.405.551.606	35.307.251.113
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	28.626.341.003	20.795.073.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		19.127.263.714	18.523.443.180
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.054.257.933	917.870.950
12. Chi phí khác	32	VI.8	253.610.684	2.020.234.007
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.800.647.249	(1.102.363.057)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.927.910.963	17.421.080.123
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	4.708.400.601	5.731.328.864
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		16.219.510.362	11.689.751.259
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	3.089	2.227
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	2.385	2.227

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thu

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Hương

CỤC THUẾ T.P HẢI PHÒNG  
BỘ PHẬN "MỘT CỬA"  
Mẫu B 03 - DN  
Ngày: 17-03-2016  
Số:  
Chuyên:..... Đơn vị tính: VND

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		225.573.901.173	189.460.510.944
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(150.521.987.690)	(170.946.413.040)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.895.371.848)	(25.249.400.312)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.780.444.734)	(3.105.340.596)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.422.653.864)	(9.078.119.611)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.905.629.310	55.635.243.908
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.328.077.893)	(36.951.833.463)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>22.530.994.454</b>	<b>(235.352.170)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.499.850.000)	(15.537.758.720)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		72.261.366	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.542.173	44.614.521
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.376.046.461)</b>	<b>(15.493.144.199)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
3.	Tiền thu từ đi vay	33		39.600.496.135	47.271.979.226
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(36.406.480.497)	(42.101.300.626)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.309.394.275)	(5.967.339.375)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.115.378.637)</b>	<b>(796.660.775)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>6.039.569.356</b>	<b>(16.525.157.144)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.426.466.840</b>	<b>18.951.623.984</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>8.466.036.196</b>	<b>2.426.466.840</b>

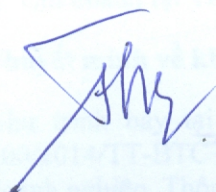
Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

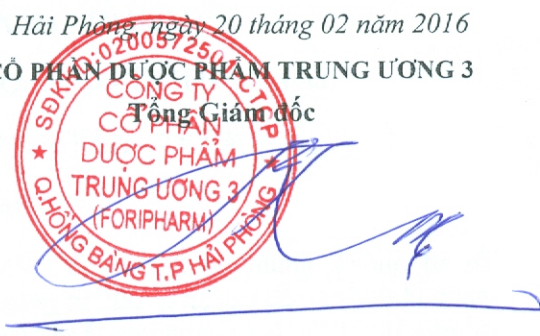
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Kim Thu

Nguyễn Thị Kim Thu

Bùi Xuân Hường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01/12/2003. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 24/11/2014 thì vốn điều lệ của Công ty là **52.500.000.000 VND** (Năm mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế./.

Trụ sở chính của Công ty: Số 16 đường Lê Đại Hành - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng.

Điện thoại: (84-31) 3 842 218 Fax: (84-31) 3 823 125.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Số 358 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội;
- Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh: Số 42/74 Nguyễn Giản Thanh - Quận 10 - TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh tại TP Hải Phòng: Số 16 đường Lê Đại Hành - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**Áp dụng hướng dẫn kế toán mới****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các chi nhánh (Bao gồm: Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Hải Phòng). Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với các chi nhánh và giữa các chi nhánh với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

**4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ****7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

22  
G  
EM  
VÀ  
N  
T

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	07 - 10

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ ô đất số 6, dãy B, lô TT5B, dự án Tây nam hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Quyền sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư công trình xây dựng chi nhánh tại Đà Nẵng để hình thành tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh khi có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là các khoản chi phí công cụ, dụng cụ.

Các khoản chi phí trả trước này thuộc tài sản lưu động phát sinh một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay, chi phí điện, nước,... thực tế đã phát sinh hoặc chưa chi, chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thuốc chữa bệnh, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, doanh thu bán các sản phẩm thiết bị y tế, doanh thu dịch vụ cho thuê kho, trông xe và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Thu nhập khác của Công ty là thu nhập từ dịch vụ cho thuê kho, trông xe được ghi nhận trên cơ sở thời gian cho thuê đã hoàn thành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

### 18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 18.1 Các nghĩa vụ về thuế

##### *Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 5% cho các mặt hàng thuốc và 10% cho các mặt hàng và dịch vụ khác.

##### *Thuế Thu nhập doanh nghiệp*

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### *Các loại thuế khác*

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

**1. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	857.447.917	95.335.087
Tiền gửi ngân hàng	7.608.588.279	2.331.131.753
VND	7.608.588.279	2.326.205.231
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hải Phòng	2.292.145.391	1.093.927.440
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	3.158.623.111	767.081.125
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - CN Nam Hà Nội	1.342.977.356	51.199.891
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội	452.629.717	307.399.752
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP HCM	139.930.276	1.802.183
Ngân hàng Agribank - CN Hồng Bàng	979.550	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Bắc Hải	221.302.878	104.794.840
USD	-	4.926.522
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	-	4.926.522
<b>Cộng</b>	<b>8.466.036.196</b>	<b>2.426.466.840</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>13.251.469.599</b>	<b>1.064.474.953</b>	<b>14.773.604.910</b>	<b>1.064.474.953</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Dược Đông Bắc	2.092.699.680	-	2.242.100.310	-
Công ty TNHH Đầu tư & Phát triển Y tế	985.171.646	-	1.296.665.726	-
Công ty TNHH Đại Bắc	186.798.045	-	1.992.102.263	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoà Phát	-	-	1.087.105.582	-
Công ty "Fileon - Ukraine"	971.034.874	971.034.874	971.034.874	971.034.874
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng - Ladophar	1.114.662.496	-	234.428.717	-
Các đối tượng khác	7.901.102.858	93.440.079	6.950.167.438	93.440.079

b) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>864.777.834</b>	<b>395.306.254</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị MPM	434.443.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT - CN Hà Nội	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển khoa học công nghệ VINA	90.000.000	90.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	-	182.700.000
Các đối tượng khác	240.334.834	122.606.254

**4. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>1.406.817.039</b>	-	<b>1.141.543.710</b>	-
- Các khoản tạm ứng	-	-	176.407.314	-
- Ký cược, ký quỹ	1.199.655.957	-	789.310.202	-
- Phải thu khác	207.161.082	-	175.826.194	-
b) <b>Dài hạn</b>	-	-	<b>3.000.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.406.817.039</b>	-	<b>1.144.543.710</b>	-

**5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	-	116.873.071	-	100.242.280
<b>Cộng</b>	-	<b>116.873.071</b>	-	<b>100.242.280</b>

**6. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	1.064.474.953	-	1.064.474.953	-
Công ty "Fileon - Ukraine" (quá hạn thanh toán 05 năm)	971.034.874	-	971.034.874	-
Các khoản nợ phải thu quá hạn khác	93.440.079	-	93.440.079	-
<b>Cộng</b>	<b>1.064.474.953</b>	-	<b>1.064.474.953</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2015	57.245.985.014	43.457.546.177	5.242.117.677	2.605.482.786	108.551.131.654	
Mua trong năm	9.887.564.545	-	1.337.236.364	1.336.363.636	12.561.164.545	
Số dư ngày 31/12/2015	67.133.549.559	43.457.546.177	6.579.354.041	3.941.846.422	121.112.296.199	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2015	5.983.278.516	12.585.929.758	1.773.528.373	1.367.357.382	21.710.094.029	
Khấu hao trong kỳ	2.016.764.077	4.185.137.532	777.852.160	277.195.746	7.256.949.515	
Số dư ngày 31/12/2015	8.000.042.593	16.771.067.290	2.551.380.533	1.644.553.128	28.967.043.544	
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/01/2015	51.262.706.498	30.871.616.419	3.468.589.304	1.238.125.404	86.841.037.625	
- Tại ngày 31/12/2015	59.133.506.966	26.686.478.887	4.027.973.508	2.297.293.294	92.145.252.655	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 58.458.733.437 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 28.155.138.307 VND).

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.404.004.157 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.345.882.549 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2015	-	-
Mua trong năm	3.057.600.000	3.057.600.000
Số dư ngày 31/12/2015	3.057.600.000	3.057.600.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2015	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2015	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
- Tại ngày 01/01/2015	-	-
- Tại ngày 31/12/2015	3.057.600.000	3.057.600.000

**9. Hàng tồn kho**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.639.302.968	-	28.786.096.317	-
Chi phí sản xuất kinh doanh	13.375.815.678	-	7.278.015.374	-
Thành phẩm	8.441.699.058	-	6.075.104.455	-
Hàng hoá	1.282.441.509	-	1.378.129.992	-
<b>Cộng</b>	<b>54.739.259.213</b>	<b>-</b>	<b>43.517.346.138</b>	<b>-</b>

**10. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>1.325.500.000</b>	<b>1.325.500.000</b>
Công trình xây dựng chi nhánh tại Đà Nẵng	1.325.500.000	1.325.500.000

**11. Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.091.136</b>	<b>7.356.819</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	10.974.305	7.356.819
Chi phí chờ phân bổ khác	5.116.831	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>805.033.536</b>	<b>1.409.321.580</b>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	805.033.536	1.409.321.580
<b>Cộng</b>	<b>821.124.672</b>	<b>1.416.678.399</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Địa chỉ: Số 16 đường Lê Đại Hành - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2015			01/01/2015			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	24.982.972.483	24.982.972.483	44.084.097.611	36.430.081.973	17.328.956.845	17.328.956.845	
Vay ngân hàng	12.882.972.483	12.882.972.483	31.084.097.611	22.684.726.604	4.483.601.476	4.483.601.476	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (i)	12.882.972.483	12.882.972.483	31.084.097.611	22.684.726.604	4.483.601.476	4.483.601.476	
Vay cá nhân (ii)	12.100.000.000	12.100.000.000	13.000.000.000	13.745.355.369	12.845.355.369	12.845.355.369	
Nguyễn Đình Thọ	350.000.000	350.000.000	1.700.000.000	2.450.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	
Lưu Tuấn Phương	2.000.000.000	2.000.000.000	-	200.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000	
Bùi Văn Hiệp	3.000.000.000	3.000.000.000	3.500.000.000	500.000.000	-	-	
Nguyễn Chí Công	537.000.000	537.000.000	1.100.000.000	1.505.355.369	942.355.369	942.355.369	
Phạm Thị Thanh Tùng	850.000.000	850.000.000	-	-	850.000.000	850.000.000	
Nguyễn Lê Thủy	600.000.000	600.000.000	-	-	600.000.000	600.000.000	
Nguyễn Thị Hải Trà	560.000.000	560.000.000	-	-	560.000.000	560.000.000	
Nguyễn Hải An	550.000.000	550.000.000	-	-	550.000.000	550.000.000	
Nguyễn Ngọc Oanh	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000	
Lê Thị Kim Phở	400.000.000	400.000.000	-	50.000.000	450.000.000	450.000.000	
Nguyễn Thị Sơn	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000	
Nguyễn Thị Chính	338.000.000	338.000.000	-	-	338.000.000	338.000.000	
Nguyễn Thị Kim Thu	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000	
Tạ Thủy Hồng	200.000.000	200.000.000	-	80.000.000	280.000.000	280.000.000	
Các đối tượng khác	1.515.000.000	1.515.000.000	6.700.000.000	8.960.000.000	3.775.000.000	3.775.000.000	

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**  
Địa chỉ: Số 16 đường Lê Đại Hành - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>15.858.801.000</b>	<b>15.858.801.000</b>	<b>4.460.000.000</b>	<b>20.318.801.000</b>	<b>20.318.801.000</b>
Ngân hàng TMCP Công	15.858.801.000	15.858.801.000	-	18.258.801.000	18.258.801.000
thương Việt Nam - CN Hồng	-	-	-	1.260.000.000	1.260.000.000
Bàng (iii)	-	-	-	800.000.000	800.000.000
Nguyễn Đình Đức	-	-	-	-	-
Lê Thị Hòa	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.841.773.483</b>	<b>40.841.773.483</b>	<b>44.084.097.611</b>	<b>40.890.081.973</b>	<b>37.647.757.845</b>

(i) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hồng Bàng theo 02 Hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2014 ngày 03/07/2014 với hạn mức vay 18.000.000.000 đồng từ 03/7/2014 đến 03/07/2015. Mục đích sử dụng khoản vay: để bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C bảng vận vay ngân hàng, bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất được tính là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ tối đa 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ nhà xưởng, vật kiến trúc gắn liền với đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng và máy móc thiết bị.

(ii) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn và lãi suất tiền vay theo thỏa thuận từng thời kỳ và theo thông báo của Công ty.

(iii) Khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hồng Bàng theo hợp đồng tín dụng số 01/HM/2013 ngày 23/07/2013 với hạn mức vay 20.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 7 năm. Mục đích sử dụng khoản vay: để bổ sung vốn xây dựng phân xưởng sản xuất thuốc Đông dược. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất thả nổi, được xác định và điều chỉnh theo các quy định trong hợp đồng. Lãi suất của kỳ đầu tiên là 12,5%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị thực hiện từ dự án.

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Amoli Enterprises Co.,Ltd	4.057.200.000	4.057.200.000	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	1.679.028.540	1.679.028.540	2.411.692.605	2.411.692.605
Kukje Pharma Ind.Co.,Ltd	-	-	2.949.750.000	2.949.750.000
Các đối tượng khác	16.020.528.857	16.020.528.857	5.560.038.867	5.560.038.867
<b>Cộng</b>	<b>21.756.757.397</b>	<b>21.756.757.397</b>	<b>10.921.481.472</b>	<b>10.921.481.472</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

*Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoà Phát	2.266.463.505	-
Vũ Duy Đề	237.200.000	50.000.000
Công ty Vận tải Đức Mạnh	168.584.000	50.065.000
Nguyễn Thị Bích Huệ	-	50.000.000
Các đối tượng khác	152.552.206	6.623.360

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2015		31/12/2015	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT hàng nội địa	-	1.082.493.527	1.082.493.527	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.711.149.718	1.711.149.718	-
Thuế TNDN (i)	2.421.328.864	4.709.725.601	6.422.653.864	708.400.601
Thuế thu nhập cá nhân	245.219.298	417.570.600	527.984.430	134.805.468
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	159.844.000	1.068.321.312	1.198.197.050	29.968.262
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.826.392.162</b>	<b>8.995.260.758</b>	<b>10.948.478.589</b>	<b>873.174.331</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**16. Phải trả người lao động**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền lương năm 2015 còn phải trả	3.236.489.914	1.455.294.903
Dự phòng tiền lương (i)	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.236.489.914</b>	<b>1.455.294.903</b>

(i) là khoản trích lập dự phòng tiền lương không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện năm 2015.

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>185.973.305</b>	<b>1.826.483.183</b>
Dự phòng tiền lương	-	1.700.000.000
Chi phí lãi vay	74.516.978	59.136.708
Chi phí phải trả khác	111.456.327	67.346.475
<b>Cộng</b>	<b>185.973.305</b>	<b>1.826.483.183</b>

**18. Phải trả khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.761.219.865</b>	<b>702.595.139</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	216.214.629	255.465.824
Kinh phí công đoàn	31.599.261	61.757.790
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	475.822.250	385.216.525
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.037.583.725	155.000
<b>Cộng</b>	<b>1.761.219.865</b>	<b>702.595.139</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư ngày 01/01/2014	52.500.000.000	26.084.627.500	8.450.407.790	87.035.035.290
Lãi trong năm	-	-	11.689.751.259	11.689.751.259
Chia cổ tức	-	-	(6.125.000.000)	(6.125.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(794.257.030)	(794.257.030)
Giảm khác	-	(50.000.000)	(873.682.732)	(923.682.732)
Số dư ngày 01/01/2015	52.500.000.000	26.034.627.500	12.347.219.287	90.881.846.787
Lãi trong kỳ	-	-	16.219.510.362	16.219.510.362
Chia cổ tức	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phân phối các quỹ	-	-	(1.987.257.713)	<b>(1.987.257.713)</b>
Giảm khác	-	(110.000.000)	(469.445.051)	<b>(579.445.051)</b>
<b>Số dư ngày 31/12/2015</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>25.924.627.500</b>	<b>17.710.026.885</b>	<b>96.134.654.385</b>

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam	13.499.990.000	13.499.990.000
Các cổ đông khác	39.000.010.000	39.000.010.000
<b>Cộng</b>	<b>52.500.000.000</b>	<b>52.500.000.000</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	52.500.000.000	52.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	52.500.000.000	52.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>(8.400.000.000)</b>	<b>(6.125.000.000)</b>

**19.4 Cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng**

3.2.2.2.4  
G T  
M H U  
V A D I H  
N A I  
T P

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***19.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	5.396.711.756	1.168.975.125	-	6.565.686.881
<b>Cộng</b>	<b>5.396.711.756</b>	<b>1.168.975.125</b>	<b>-</b>	<b>6.565.686.881</b>

**\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) <b>Doanh thu</b>	<b>212.247.225.811</b>	<b>184.371.323.690</b>
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	212.247.225.811	184.371.323.690
<b>Cộng</b>	<b>212.247.225.811</b>	<b>184.371.323.690</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hàng bán bị trả lại	74.038.881	75.421.180
Giảm giá hàng bán	75.240.385	-
<b>Cộng</b>	<b>149.279.266</b>	<b>75.421.180</b>

**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu thuần bán hàng hoá, thành phẩm	212.097.946.545	184.295.902.510
<b>Cộng</b>	<b>212.097.946.545</b>	<b>184.295.902.510</b>

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	112.995.876.740	106.358.320.330
<b>Cộng</b>	<b>112.995.876.740</b>	<b>106.358.320.330</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.542.173	49.280.721
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.726.000	-
<b>Cộng</b>	<b>74.268.173</b>	<b>49.280.721</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	3.903.751.205	3.223.952.330
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.430.450	137.143.045
<b>Cộng</b>	<b>4.017.181.655</b>	<b>3.361.095.375</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà, gửi xe	1.856.591.474	707.145.000
Thu nhập khác	197.666.459	210.725.950
<b>Cộng</b>	<b>2.054.257.933</b>	<b>917.870.950</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	41.060.000	-
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	26.654.996	225.248.220
Thuế TNDN bị truy thu	-	1.280.891.449
Các khoản chi phí khác	185.895.688	514.094.338
<b>Cộng</b>	<b>253.610.684</b>	<b>2.020.234.007</b>

**9. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>28.626.341.003</b>	<b>20.795.073.233</b>
Chi phí nhân viên quản lý	18.664.212.470	13.798.990.012
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.201.029.427	457.162.316
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.194.773.343	637.140.288
Khấu hao tài sản cố định	1.405.933.095	893.343.704
Thuế, phí, lệ phí	2.127.815.064	1.942.146.136
Chi phí dự phòng	-	100.246.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.627.347.351	2.527.506.182
Chi phí bằng tiền khác	405.230.253	438.538.220

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>47.405.551.606</b>	<b>35.307.251.113</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	9.858.997.100	8.353.241.928
Chi phí vật liệu bao bì	245.388.365	315.879.951
Chi phí dụng cụ đồ dùng	12.587.272	38.449.818
Khấu hao tài sản cố định	201.808.632	113.852.815
Chi phí bảo hành	-	8.207.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.011.268.408	3.190.080.380
Chi phí bằng tiền khác	33.075.501.829	23.287.538.529

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.139.338.557	85.321.616.088
Chi phí nhân công	34.563.675.924	28.421.089.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.256.949.515	4.991.811.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.717.637.227	15.178.372.948
Chi phí bằng tiền khác	33.582.986.941	23.681.322.427
<b>Cộng</b>	<b>201.260.588.164</b>	<b>157.594.212.151</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	214.226.472.651	185.263.054.181
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	192.824.651.739	159.211.559.346
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	21.401.820.912	26.051.494.835
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.708.400.601	5.731.328.864

**12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.219.510.362	11.689.751.259
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.219.510.362	11.689.751.259
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.250.000	5.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.089	2.227

120E  
 ÔNG  
 T NHIỆU  
 DAN V  
 ET I  
 4Y -

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.219.510.362	11.689.751.259
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	1.550.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.385	2.227

(i) Công ty phát hành thêm 1.550.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên trong quý I năm 2016 theo Nghị quyết số 301/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22/04/2015; Nghị quyết số 229/HĐQT ngày 01/09/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương 3 về việc triển khai phương án phát hành theo nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2015; Giấy chứng nhận số 101/GCN-UBCK ngày 14/12/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 về việc đăng ký chào bán ra công chúng; Nghị quyết số 168A/NQ-HĐQT ngày 24/02/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 về việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết và cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán cổ phiếu ra tăng vốn điều lệ Công ty; Biên bản họp số 168B/BB-HĐQT ngày 24/02/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty và thông qua việc phân phối số cổ phần không chào bán hết và cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty; Báo cáo số 182 ngày 25/02/2016 của Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương 3 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

**VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan****a) Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty TNHH Đại Bắc

Nguyễn Thị Kim Thu

Ngô Thị Hồng

**Mối quan hệ**

Cổ đông

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

**b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>12.648.501.350</b>	<b>16.000.019.127</b>
Công ty TNHH Đại Bắc	12.648.501.350	16.000.019.127

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

<b>Mua hàng</b>	<b>158.526.000</b>	<b>54.000.000</b>
Công ty TNHH Đại Bắc	158.526.000	54.000.000
<b>Lãi vay phải trả</b>	<b>37.337.500</b>	<b>33.296.483</b>
Nguyễn Thị Kim Thu	26.650.000	23.947.918
Ngô Thị Hồng	10.687.500	9.348.565

**c) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>186.798.045</b>	<b>1.992.102.263</b>
Công ty TNHH Đại Bắc	186.798.045	1.992.102.263
<b>Các khoản vay</b>	<b>425.000.000</b>	<b>425.000.000</b>
Nguyễn Thị Kim Thu	300.000.000	300.000.000
Ngô Thị Hồng	125.000.000	125.000.000

**d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	1.812.635.383	1.253.975.394
<b>Cộng</b>	<b>1.812.635.383</b>	<b>1.253.975.394</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3**

Địa chỉ: Số 16 đường Lê Đại Hành - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**3. Báo cáo bộ phận****3.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ hợp lý bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND			Loại trừ	Tổng cộng
	Miền bắc (1)	Miền Trung (2)	Miền Nam (3)		
				(4 = 1 + 2 + 3)	(5)
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	174.137.649.309	-	37.960.297.236	212.097.946.545	-
2. Giá vốn hàng bán	78.619.539.451	-	34.376.337.289	112.995.876.740	-
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>95.518.109.858</b>	<b>-</b>	<b>3.583.959.947</b>	<b>99.102.069.805</b>	<b>-</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 :**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND			Loại trừ	Tổng cộng
	Miền bắc (1)	Miền Trung (2)	Miền Nam (3)		
				(4 = 1 + 2 + 3)	(5)
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	149.558.518.348	-	34.737.384.162	184.295.902.510	-
2. Giá vốn hàng bán	74.809.266.840	-	31.549.053.490	106.358.320.330	-
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>74.749.251.508</b>	<b>-</b>	<b>3.188.330.672</b>	<b>77.937.582.180</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**3.2 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thuốc, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**4. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau: --

**Công nợ tài chính**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	40.841.773.483	37.647.757.845
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.466.036.196	2.426.466.840
Nợ thuần	32.375.737.287	35.221.291.005
Vốn chủ sở hữu	102.700.341.266	96.278.558.543
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,32	0,37

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.466.036.196	2.426.466.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.593.811.685	14.853.673.667
<b>Cộng</b>	<b>22.059.847.881</b>	<b>17.280.140.507</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	40.841.773.483	37.647.757.845
Phải trả người bán và phải trả khác	23.517.977.262	11.624.076.611
Chi phí phải trả	185.973.305	1.826.483.183
<b>Cộng</b>	<b>64.545.724.050</b>	<b>51.098.317.639</b>

01/12/2015  
CÔ  
CH N  
TOA  
TẾ  
14/1



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<u>31/12/2015</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	23.517.977.262	-	23.517.977.262
Chi phí phải trả	185.973.305	-	185.973.305
Các khoản vay	24.982.972.483	15.858.801.000	40.841.773.483
<u>01/01/2015</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	11.624.076.611	-	11.624.076.611
Chi phí phải trả	1.826.483.183	-	1.826.483.183
Các khoản vay	17.328.956.845	20.318.801.000	37.647.757.845

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2015</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.466.036.196	-	8.466.036.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.593.811.685	-	13.593.811.685
<u>01/01/2015</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.426.466.840	-	2.426.466.840
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.850.673.667	3.000.000	14.853.673.667
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE). Và như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 được phân loại lại, trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại lại, trình bày lại như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Số đã báo cáo</u> <u>VND</u>	<u>Phân loại lại</u> <u>VND</u>	<u>Số sau phân loại</u> <u>VND</u>
Các khoản phải thu khác	352.233.508	(352.233.508)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	1.141.543.710	1.141.543.710
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	100.242.280	100.242.280

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tài sản ngắn hạn khác	889.552.482	(889.552.482)	-
Vay và nợ ngắn hạn	17.328.956.845	(17.328.956.845)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	17.328.956.845	17.328.956.845
Vay và nợ dài hạn	20.318.801.000	(20.318.801.000)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	20.318.801.000	20.318.801.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	52.500.000.000	(52.500.000.000)	-
Vốn góp của chủ sở hữu	-	52.500.000.000	52.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.788.564.847	1.608.146.909	5.396.711.756
Quỹ dự phòng tài chính	1.608.146.909	(1.608.146.909)	-

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Người lập biểu



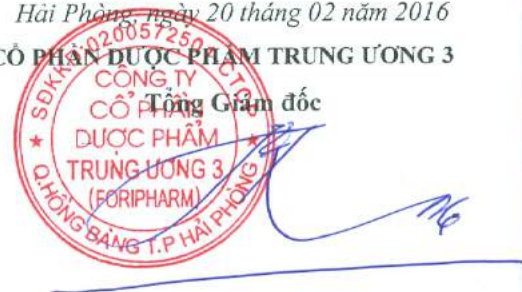
Nguyễn Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Thu

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Hương

